

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4-CTCP**

205A Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại:

(028) 38993950

Fax: (028) 38993851

Email:

tctxdthuyloi4@gmail.com

Website: thuyloi4.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Thời gian: Từ 07h30 đến 11h30 ngày 28/04/2025
- Địa điểm: Tầng 11, Tòa nhà Văn phòng Thủy Lợi 4 – Số 205A Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh; TP Hồ Chí Minh
- Nội dung: Chi tiết như bảng dưới đây:

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHI TIẾT
I Khai mạc Đại hội		
1.	07:30 – 08:00	<ul style="list-style-type: none"> - Đón tiếp và đăng ký đại biểu tham dự ĐHĐCĐ; - Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội; - Phát tài liệu, phiếu bầu, thẻ biểu quyết.
2.	08:00 – 08:10	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông, số lượng cổ đông dự họp.
3.	08:10 – 08:20	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đại biểu; - Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký, Ban kiểm phiếu và biểu quyết;
4.	08:20 – 08:30	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Chương trình đại hội, Quy chế tổ chức đại hội và Thẻ lệ biểu quyết.
5.	08:30 – 08:35	<ul style="list-style-type: none"> - Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
II. Nội dung Đại hội		
6.	08:35 – 08:50	Các vấn đề cần lấy ý kiến và thông qua tại ĐHĐCĐ: <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;
7.	08:50-09:05	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết công tác của BKS năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;
8.	09:05 – 09:20	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025 của Tổng Giám đốc; - Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán;
9.	09:20-09:30	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty; Giải thể BKS, miễn nhiệm thành viên BKS & bãi bỏ quy chế hoạt động của BKS; Sửa đổi Điều lệ; Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị; Sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT.

10.	09:30-09:35	- Tờ trình miễn nhiệm và thay đổi số lượng TV HĐQT; Bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT.
11.	09:35-09:50	- Thông qua Quy chế bầu cử thành viên độc lập HĐQT, Biểu quyết và tiến hành bầu cử.
12.	09:50 – 10:05	Nghỉ giải lao
13.	10:05 – 10:10	- Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi thù lao năm 2025;
14.	10:10 – 10:15	- Tờ trình V/v phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức 2025;
15.	10:15 – 10:20	- Tờ trình V/v lựa chọn công ty kiểm toán 2025;
16.	10:20 – 10:25	- Tờ trình về phương án thực hiện đầu tư dự án Khu nhà ở tại Phường Phước Long A, TP Thủ Đức, TP.HCM;
17.	10:25 – 10:30	- Tờ trình báo cáo kết quả bán cổ phiếu quỹ và và ngừng bán số lượng cổ phiếu quỹ còn lại.
18.	10:30 – 10:35	- Tờ trình V/v giao quyền cho HĐQT quyết định phương án đầu tư, kinh doanh, khai thác, chuyển nhượng và quyền khác đối với tài sản là các tòa nhà thuộc quyền sở hữu của Tổng Công Ty
III. Đại hội thảo luận, trao đổi ý kiến; biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết		
19.	10:35 – 10:50	- Thảo luận về các vấn đề cần lấy ý kiến và thông qua tại Đại hội; và - Biểu quyết thông qua các nội dung: Báo cáo TGD, Báo cáo HĐQT, Báo cáo BKS và các tờ trình khác;
20.	10:50– 11:00	- Công bố kết quả bầu cử.
21.	11:00 – 11:10	- Công bố kết quả cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT
IV. Thông qua Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội và Bế mạc		
22.	11:10-11:25	Đọc và Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội.
23.	11:25 -11:30	Bế mạc Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ANH KIẾT





TỔNG CÔNG TY
XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 – CTCP

-----o0o-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

TP Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 04 năm 2025

**QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4- CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 -CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng Công ty.

Điều 1. Những quy định chung

1. Quy chế này áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP (gọi chung “**Đại hội**”).
2. Quy chế được quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội:

1. Điều kiện tham dự: Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện Cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, các Cổ đông có trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 530/2025-TL4/VSDC-ĐK ngày 02/04/2025 bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp và có đăng ký Cổ đông tham dự tại Đại hội.
2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội
 - a. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (CCCD, Hộ chiếu ...) và Thư mời tham dự nộp cho Ban tổ chức để kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một thẻ biểu quyết và tài liệu họp.
 - b. Tất cả các Cổ đông tham dự Đại hội đều được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện của mình, nhưng phải đăng ký với Đoàn Thư ký.
 - c. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
 - d. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các Cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
 - e. Các Cổ đông phải giữ kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu.
 - f. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điểm b, Khoản 7, Điều 146 Luật doanh nghiệp.
 - g. Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để chờ những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch gồm 05 người là thành viên của Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) và Tổng Giám đốc. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Chủ trì Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng biểu quyết.
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Làm việc theo nguyên tắc tập thể tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Thư ký

1. Đoàn Thư ký: Chủ tọa cử 01 hoặc một số người làm Thư ký của Đại hội (“**Đoàn Thư ký**”).
2. Nhiệm vụ của Đoàn Thư ký:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội đề cập.
 - b. Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo biên bản, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các Cổ đông khi được yêu cầu.
 - c. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các Cổ đông, nhận thư, tài liệu liên quan đến Đại hội.

Điều 5. Quyền nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu do HĐQT đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là cổ đông nhưng không là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào HĐQT.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông.
 - b. Tổ chức kiểm phiếu.
 - c. Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu ghi nhận biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội
 - e. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 6: Tiến hành đại hội:

Cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 530/2025-TL4/VSDC-ĐK ngày 02/04/2025 bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7: Các nội dung báo cáo, thảo luận và thông qua tại Đại hội:

Các nội dung báo cáo, thảo luận và thông qua tại Đại hội được nêu theo danh mục được liệt kê trong Chương trình Đại hội.

Điều 8: Phát biểu ý kiến trong Đại hội:

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn chủ tịch (qua Đoàn Thư ký). Khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay, khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Trước khi phát biểu cổ đông phải giới thiệu tên. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn tránh trùng lặp.

Điều 9: Thể lệ biểu quyết

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết, thông qua mỗi nội dung bằng cách giơ phiếu biểu quyết.
2. Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.

Điều 10: Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua:

1. Các vấn đề sau được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành
2. Các vấn đề sau được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:
 - a. Đoàn chủ tịch, Đoàn Thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình đại hội, Quy chế đại hội, Quy chế bầu cử bổ sung HĐQT;
 - b. Các tờ trình: sửa đổi, bổ sung điều lệ và các quy chế nội bộ quản trị Tổng công ty; phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch 2025; Tiền lương, thù lao HĐQT và BKS; lựa chọn công ty kiểm toán năm 2025; miễn nhiệm TV. HĐQT, BKS; bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2024 – 2029).
 - c. Các báo cáo hoạt động năm 2024 của HĐQT, BKS và TGD và kế hoạch năm 2025;
 - d. Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
 - e. Các vấn đề khác được biểu quyết trong chương trình Đại hội.

Điều 11: Biên bản Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Đoàn Thư ký ghi vào Biên bản Đại hội đồng Cổ đông. Biên bản Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12: Các trường hợp khác tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai phải được tiến hành trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội cổ đông lần hai được tiến hành khi có số Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp ít nhất 33% tổng số cổ

- phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên của Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến tiến hành. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông tới dự họp.
(Theo quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp).

Điều 13: Điều khoản thi hành

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP có 13 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội Cổ đông được thực hiện tuân theo các qui định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Tổng công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ANH KIỆT

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024 &
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính thưa quý vị đại biểu cùng toàn thể các quý cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4 – CTCP (“**TCT**” hoặc “**Tổng Công ty**”) tôi xin báo cáo với đại hội về kết quả hoạt động của HĐQT Tổng công ty trong năm 2024; Phương hướng hoạt động kinh doanh của Tổng công ty năm 2025 như sau:

I. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024:**1. Nhân sự HĐQT:**

- Tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ/TCT-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 và Nghị quyết HĐQT số 004/2024/NQ-HĐQT ngày 06/04/2024 đã thống nhất thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT gồm 05 thành viên:
 - + Ông Nguyễn Anh Kiệt - Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Chu Quang Tuấn - Phó Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Nguyễn Xuân Hòa - Thành viên HĐQT
 - + Bà Phạm Thị Thúy Hằng - Thành viên HĐQT
 - + Ông Nguyễn Đình Quyền - Thành viên HĐQT
- Ngày 31/12/2024, Tổng công ty Xây dựng Thủy Lợi 4-CTCP nhận được đơn xin từ nhiệm tư cách thành viên HĐQT của bà Phạm Thị Thúy Hằng.
- Ngày 18/4/2025, Tổng công ty Xây dựng Thủy Lợi 4-CTCP nhận được đơn xin từ nhiệm của ông Nguyễn Anh Kiệt.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong 2024:

- Năm 2024, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức các hoạt động nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2024 (ĐHĐCĐ) theo đúng các quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định của pháp luật. Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 26/04/2024, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành Tổng Công ty thực hiện các nhiệm vụ chính sau đây:
 - + Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
 - + Thực hiện phương án xử lý cổ phiếu quỹ;
 - + Thực hiện công tác thanh lý & đầu tư;
 - + Một số công tác khác.

2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024:

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng doanh thu <i>Trong đó:</i>	34.962.480.977	83.636.415.322
	+ <i>Doanh thu thuần</i>	32.374.299.977	34.037.477.030
	+ <i>Doanh thu tài chính</i>	0	42.371.169.418
	+ <i>Thu nhập khác</i>	2.588.181.000	7.227.768.874
2	Lợi nhuận trước thuế	53.167.787	4.846.560.934
3	Lợi nhuận sau thuế	53.167.787	1.179.412.520
4	Cổ tức	0%	

2.2. Kết quả thực hiện công tác đầu tư:

STT	Nội dung	Tiến độ thực hiện
1	Chuyển nhượng vốn TCT tại Công ty Cổ phần Xây dựng và năng lượng VCP	Tổng Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần vốn đầu tư theo giá khớp lệnh trên thị trường chứng khoán theo Nghị quyết số 03/2024/QĐ-HĐQT ngày 13/03/2024
2	Chuyển nhượng vốn TCT tại Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi 42	Tổng Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo Nghị quyết số 008/2024/NQ-HĐQT ngày 08/08/2024
3	Chuyển nhượng vốn TCT tại Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi 48	Tổng Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo Nghị quyết số 009/2024/NQ-HĐQT ngày 01/10/2024
4	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Somo Việt Nam	Ngày 30/07/2024, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Quyết định số 048/QĐ-TCT-HĐQT phê duyệt việc đầu tư vào Công ty cổ phần Tập đoàn Somo Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty cổ phần Tập đoàn Somo Việt Nam có vốn điều lệ là 680.000.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty góp 30.000.000.000 đồng theo mệnh giá, tương ứng với 4,41% vốn điều lệ.

2.3. Một số công tác khác

- Các thành viên HĐQT đã đồng hành đều là những người trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp, quản lý tài chính. HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên phù hợp với các lĩnh vực là thế mạnh của các thành viên; đã tạo điều kiện cho các thành viên phát huy ưu thế cũng như luôn sát cánh cùng Ban điều hành trong mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.
- Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện đúng nhiệm vụ của mình mà Đại hội đồng cổ đông đã giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT; tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của Tổng công ty, của cổ đông và người lao động.
- Các thành viên HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia đầy đủ các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu, hoàn thành tốt các chức năng chỉ đạo, quản lý, giám sát theo quy định, HĐQT đã có sự thống nhất cao khi thông qua các nghị quyết, biên bản cuộc họp để kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

HDQT cũng phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát (BKS) và luôn lắng nghe các ý kiến đóng góp của BKS cũng như tạo mọi điều kiện để đảm bảo tính độc lập hoạt động của BKS.

Trong năm 2024, HDQT đã tổ chức họp và ra 13 nghị quyết HDQT để triển khai thực hiện các công việc của Tổng công ty. Thư mời và tài liệu họp đều được gửi đến TV HDQT và BKS theo đúng quy định. Tại các cuộc họp, các thành viên HDQT đều tham dự đầy đủ và có ý kiến biểu quyết với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác, thực hiện các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Tổng Công ty.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các thành viên Ban Tổng giám đốc:

- Trong năm 2024, HDQT miễn nhiệm 01 Phó tổng giám đốc và 01 Tổng giám đốc (do hết hợp đồng lao động); bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc thường trực và 01 Tổng Giám đốc.
- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực mà mình phụ trách. Ban Tổng giám đốc luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động, sáng tạo và đoàn kết vượt khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.
- HDQT đánh giá cao vai trò Ban tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của HDQT cũng như các thông báo cuộc họp và tuân thủ các quy định của Tổng công ty trong năm 2024. Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều được Tổng giám đốc báo cáo kịp thời cho HDQT để nắm rõ diễn biến và kịp thời có ý kiến chỉ đạo thực hiện.

4. Tiền lương, thù lao của HDQT trong năm 2024

Báo cáo về thù lao, lương, thưởng cho HDQT năm 2024 được trình bày cụ thể tại Tờ trình của HDQT về thù lao, lương, thưởng của HDQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

II. Kế hoạch và phương hướng của HDQT trong năm 2025:

Trong năm 2025, nhiệm vụ trọng tâm của HDQT là chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành trong việc khắc phục và xử lý triệt để các tồn đọng của năm 2024, phát triển kinh doanh và tối ưu hóa vận hành.

1. Khắc phục, xử lý triệt để những tồn tại cũ:

- 1.1 Ban điều hành và Tổ quyết toán & xử lý, thu hồi công nợ phần đầu hoàn thành công tác quyết toán các công trình đã thi công xong với các CĐT: công trình Hải Phòng, công trình Tân Mỹ. Đối với Công trình Bản Mòng và Công trình Cánh Tạng cần phải theo dõi sát tiến độ thi công còn lại, phối hợp với các nhà thầu trong liên doanh để hoàn thành việc quyết toán với Chủ đầu tư khi hoàn thành việc thi công.
- 1.2 Ban điều hành và Tổ quyết toán & xử lý, thu hồi công nợ theo dõi sát sao các Công trình mà Chủ đầu tư đang giữ Thư Bảo lãnh, cập nhật tiến độ để giải toả Bảo lãnh THHĐ và Bảo lãnh Bảo hành.
- 1.3 Ban điều hành và Tổ quyết toán & xử lý, thu hồi công nợ hoàn thành toàn bộ công tác quyết toán nội bộ các hợp đồng giao khoán đối với các chi nhánh Miền Trung, Miền Bắc. Trên cơ sở đó TCT sẽ có chế tài để thu hồi công nợ trong trường hợp công trình giao khoán bị lỗi đối với cá nhân nhận khoán.
- 1.4 Tổ quyết toán & xử lý, thu hồi công nợ chịu trách nhiệm đôn đốc thu hồi công nợ từ các chi nhánh nhận khoán, đặc biệt là CN Miền Trung. Đánh giá lại tài sản thế chấp của các đơn vị nhận khoán, để có hướng xử lý, thu hồi công nợ về cho TCT.
- 1.5 Ban tài chính – kế toán phối hợp với Tổ quyết toán và xử lý, thu hồi công nợ, Tổ kiểm kê tài sản xử lý triệt để những tồn tại cũ về các khoản mục trên báo cáo tài chính.
- 1.6 Khối giám sát phối hợp cùng Tổ quyết toán và xử lý thu hồi công nợ theo dõi, cập nhật và báo cáo hàng tuần về tình trạng các vụ kiện tranh chấp hợp đồng giữa TCT và các đơn vị. Cần gia tăng sự

tương tác với các văn phòng Luật sư để có ý kiến tham mưu trong vấn đề kiện tụng nhằm giảm tối đa thiệt hại cho TCT (bị đơn) và tăng khả năng thu hồi công nợ cho TCT (nguyên đơn).

- 1.7 Hiện tại, mục tiêu xuyên suốt qua các năm là xử lý các tồn tại cũ, đặc biệt là các tồn tại trên báo cáo tài chính. Vì vậy sẽ phát sinh những chi phí không đúng kỳ, sẽ ảnh hưởng đến việc tính thuế TNDN. Ban điều hành cần có kế hoạch cụ thể, củng cố cơ sở pháp lý và giải pháp để tối ưu chi phí cho TCT.
- 1.8 Đối với công nợ phải trả hiện nay còn tồn tại từ trước để lại với giá trị rất lớn. Ban điều hành chủ động phân tích, đánh giá tính hợp lý, hợp lệ và đề xuất phương án phù hợp, tối ưu nhất lên HĐQT quyết định.

2. Phát triển kinh doanh:

- 2.1 Khối kinh doanh phải có phương án khai thác kinh doanh tối ưu các toà nhà, trọng tâm là toà nhà 29 Nguyễn Khắc Nhu và toà nhà 102 Nguyễn Xí (cố gắng hoàn thành theo kế hoạch đã đề ra), bám sát kế hoạch kinh doanh hàng tháng nhằm đưa ra các giải pháp bổ sung, điều chỉnh phương án kịp thời, đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả.
- 2.2 Theo dõi, thực hiện bảo dưỡng định kỳ các tòa nhà: ưu tiên sử dụng nguồn nhân sự hiện có, kết hợp chi phí thuê ngoài với tiêu chí tối ưu chi phí vận hành.
- 2.3 Đẩy mạnh truyền thông, xây dựng thương hiệu Thủy Lợi 4 trên mạng xã hội để phát triển thêm kênh tìm kiếm khách hàng và đối tác môi giới.
- 2.4 Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ theo xu hướng hiện đại, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng để giữ chân khách hàng hiện hữu gắn bó lâu dài và khai thác tiềm năng, mối quan hệ. Tạo môi trường cho các khách hàng hiện hữu bán chéo sản phẩm, tạo tiền đề cho TCT phát triển kênh bán hàng.

3. Tối ưu vận hành

- 3.1 Ban tài chính – kế toán củng cố cơ sở pháp lý, hồ sơ kế toán phải đúng, đầy đủ từng khoản mục trên Báo cáo Tài chính.
- 3.2 Ban tài chính – kế toán hoàn thiện và đưa vào vận hành phần mềm MISA từ 01/01/2025.
- 3.3 Ban tài chính – kế toán thực hiện Báo cáo Quản trị hàng tháng. Báo cáo định kỳ phải phản ánh đúng, đủ thực trạng tình hình TCT.
- 3.4 Đối với Dự án Khu Nhà ở tại Phường Phước Long A, Quận 9 (nay là TP. Thủ Đức), TP. Hồ Chí Minh, cần tìm giải pháp tối ưu để có thể tạm khai thác và tiếp tục triển khai dự án ngay khi đủ điều kiện thực hiện theo quy định hiện hành.
- 3.5 Đối với Công ty CP đầu tư BĐS Thủy Lợi 4A: Ban điều hành Công ty 4A quyết liệt, củng cố hồ sơ pháp lý và thủ tục pháp lý cần thiết để yêu cầu sớm hoàn thiện khu thương mại dịch vụ và thanh toán số tiền còn lại cho Công ty 4A.
- 3.6 Tinh gọn bộ máy vận hành cho phù hợp với chiến lược kinh doanh nhằm tối ưu chi phí và đem lại hiệu quả tốt nhất cho TCT.

4. Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch năm 2025:

- Doanh thu	:	50.478.691.712	đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	3.533.562.801	đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	2.826.850.241	đồng
- Cổ tức	:	Tuỳ theo tình hình kinh doanh và thặng dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, HĐQT trình ĐHCĐ thông qua việc giao cho HĐQT quyết định tỷ lệ, thời gian và phương thức chia cổ tức năm 2025 với mức tối đa chia tỷ lệ cổ tức là 10% /01 cổ phiếu.	

Trên đây là báo cáo của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4 – CTCP.

HĐQT chân thành cảm ơn Ban điều hành cùng tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty đã đoàn kết, phấn đấu, nỗ lực vì sự phát triển của Tổng công ty. HĐQT mong muốn các quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng sẽ tiếp tục tin tưởng, hợp tác và đồng hành cùng Tổng công ty trên chặng đường phát triển phía trước.

Thay mặt tập thể HĐQT tôi xin gửi tới toàn thể quý vị cổ đông và quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ANH KIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----



ĐIỀU LỆ

TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 -CTCP

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 18)



MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	5
CHƯƠNG II.....	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	6
ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	6
ĐIỀU 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	7
CHƯƠNG III.....	7
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	7
ĐIỀU 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	7
ĐIỀU 5. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	9
CHƯƠNG IV.....	10
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	10
ĐIỀU 6. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	10
ĐIỀU 7. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU	10
ĐIỀU 8. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC	11
ĐIỀU 9. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	11
ĐIỀU 10. THU HỒI CỔ PHẦN	11
CHƯƠNG V.....	12
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
ĐIỀU 11. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
CHƯƠNG VI.....	12
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	12
ĐIỀU 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG.....	12
ĐIỀU 13. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	14
ĐIỀU 14. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	15
ĐIỀU 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
ĐIỀU 16. ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	18
ĐIỀU 17. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN	19
ĐIỀU 18. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	19
ĐIỀU 19. CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	21
ĐIỀU 20. THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	21
ĐIỀU 21. ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA	23
ĐIỀU 22. THẨM QUYỀN VÀ THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	24
ĐIỀU 23. NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	26
ĐIỀU 24. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	26



CHƯƠNG VII.	27
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
ĐIỀU 25. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
ĐIỀU 26. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
ĐIỀU 27. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
ĐIỀU 28. THÙ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
ĐIỀU 29. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
ĐIỀU 30. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
ĐIỀU 31. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
ĐIỀU 32. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY	34
ĐIỀU 33. THƯ KÝ CÔNG TY	34
CHƯƠNG VIII.	34
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
ĐIỀU 34. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ	34
ĐIỀU 35. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP CỦA TỔNG CÔNG TY	35
ĐIỀU 36. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	35
CHƯƠNG IX.	36
ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
ĐIỀU 37. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN	36
ĐIỀU 38. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHIỆM KỲ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN	36
ĐIỀU 39. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN:	37
ĐIỀU 40. CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN:	37
ĐIỀU 41. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN	38
CHƯƠNG X.	38
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	38
TỔNG GIÁM ĐỐC, THƯ KÝ, NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ VÀ	38
NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
ĐIỀU 42. TRÁCH NHIỆM CÂN TRỌNG	38
ĐIỀU 43. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI	38
ĐIỀU 44. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG	39
CHƯƠNG XI.	40
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	40
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	40
ĐIỀU 45.	40
CHƯƠNG XII.	41
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
ĐIỀU 46. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
CHƯƠNG XIII.	41
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	41



ĐIỀU 47. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	41
ĐIỀU 48. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	42
ĐIỀU 49. NĂM TÀI CHÍNH	42
ĐIỀU 50. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	42
CHƯƠNG XV.	42
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ.....	42
ĐIỀU 51. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, BÁN NIÊN VÀ QUÝ.....	42
ĐIỀU 52. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	43
CHƯƠNG XVI.....	43
KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
ĐIỀU 53. KIỂM TOÁN.....	43
CHƯƠNG XVII.	43
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	43
ĐIỀU 54. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	43
CHƯƠNG XVIII.....	43
GIẢI THẺ CÔNG TY	43
ĐIỀU 55. GIẢI THẺ CÔNG TY	43
ĐIỀU 56. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG.....	44
ĐIỀU 57. THANH LÝ.....	44
CHƯƠNG XIX.....	45
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
ĐIỀU 58. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	45
CHƯƠNG XX.	45
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
ĐIỀU 59. ĐIỀU LỆ CỦA TỔNG CÔNG TY.....	45
CHƯƠNG XXI.....	45
NGÀY HIỆU LỰC.....	45
ĐIỀU 60. NGÀY HIỆU LỰC	45



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Tổng Công Ty Xây Dựng Thủy Lợi 4-CTCP được sửa đổi, bổ sung lần thứ 18 (“**Điều Lệ**”) này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ/TCT- ĐHĐCĐ-ngày 28 tháng 04 năm 2025.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “**Tổng Công Ty**”: là Tổng Công Ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP;
 - b) “**Vốn Điều Lệ**”: là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi chuyển đổi thành công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c) “**Luật Doanh Nghiệp**”: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự (hoặc các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);
 - d) “**Luật Chứng Khoán**”: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024 (hoặc các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).
 - e) “**Việt Nam**”: là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) “**Ngày Thành Lập**”: là ngày Tổng Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) “**Người Điều Hành**”: là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị ra quyết định bổ nhiệm thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật;
 - h) “**Người Quản Lý**”: là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - i) “**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là người điều hành theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 1 Điều lệ này và quy định pháp luật.



- j) **“Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”**: là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - k) **“Ủy ban Kiểm toán”**: là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.
 - l) **“Người Có Liên Quan”**: là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46, Điều 4 Luật Chứng Khoán và Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh Nghiệp;
 - m) **“Cổ Đông”**: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Tổng Công Ty;
 - n) **“Cổ Đông Sáng Lập”**: là cổ đông sở hữu ít nhất một (01) cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - o) **“Cổ Đông Lớn”**: là cổ đông được quy định tại Khoản 18, Điều 4 Luật Chứng Khoán;
 - p) **“Thời Hạn Hoạt Động”**: là thời gian hoạt động của Tổng Công Ty được quy định tại Điều 2 của Điều Lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công Ty thông qua;
 - q) **“Quy chế quản lý nội bộ”**: là tập hợp các chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quy trình và các hướng dẫn nghiệp vụ nội bộ của Tổng Công ty;
 - r) **“Sổ Giao Dịch Chứng Khoán”**: là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (các Chương, Điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty

- 1. Tên Tổng Công Ty:
 - Tên viết bằng tiếng Việt:
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4-CTCP
 - Tên viết bằng tiếng nước ngoài:
HYDRAULICS CONSTRUCTION CORPORATION No4 - JOINT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt:
HYCO4 – JSC



- Biểu tượng (Logo):



2. Tổng Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công Ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: **205A Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**
 - Điện thoại: **(028) 38993850 - 38990877**
 - Fax: **(028) 38993851 – 38997845**
 - Email: **thuyloi4@vnn.vn**
 - Websilte: **http://thuyloi4.com.vn**
4. Tổng Công Ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều Lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng Công Ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành Lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công Ty

1. Tổng Công Ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công Ty có thể là người giữ một trong các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị quyết định và phân công Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công Ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công Ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công Ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, vỏ bao che công trình công nghiệp.	4290



2.	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu, công trình thủy công, thủy điện, đường giao thông, bến cảng.	4220 (Chính)
3.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	2392
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	0810
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	4663
6.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng và chất lượng xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật.	7120
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị phục vụ thủy lợi.	4669
8.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Chế tạo, lắp đặt cơ khí công trình, kết cấu thép xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	2592
9.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: sửa chữa xe máy, máy thi công xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	4520
10.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng công trình, xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng). Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng và công nghiệp.	7110
11.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Khoan phụt xử lý, gia cố nền móng và thân công trình xây dựng.	4390
12.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.	7830
13.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.	8559
14.	Đào tạo cao đẳng	8541
15.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay.	5229
17.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.	7912
18.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110



	Chi tiết: Cung cấp, đáp ứng dịch vụ tổng hợp theo yêu cầu của khách hàng như làm sạch thông thường bên trong, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Những hoạt động này không liên quan hoặc không chịu trách nhiệm đến công việc hoặc hoạt động chính của khách hàng.	
19.	Sản xuất điện (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)	3511
20.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.	6820
21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
22.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
23.	Xây dựng nhà để ở	4101
24.	Xây dựng nhà không để ở	4102
25.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
26.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27.	Phá dỡ	4311
28.	Chuân bị mặt bằng	4312
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
34.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
37.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
38.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công Ty:

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong quá trình phát triển sản xuất - kinh doanh trong các lĩnh vực trên, trong đó đầu tư xây dựng các công trình Thủy điện; đầu tư kinh doanh bất động sản; và dịch vụ nhằm đạt mức lợi nhuận cao nhất, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Tổng Công Ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công Ty



1. Tổng Công Ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều Lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Tổng Công Ty có thể tiến hành đăng ký hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác mà luật không cấm và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng Công Ty là: **160.083.380.000 VNĐ (Một trăm sáu mươi tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng)**. Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công Ty được chia thành **16.008.338** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Tổng Công Ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Tổng Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này toàn bộ là cổ phần phổ thông. Tổng Công Ty có thể có cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều Lệ này.
4. Tổng Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tổng Công Ty chuyển đổi từ Tổng Công Ty nhà nước nên không có cổ đông sáng lập.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Tổng Công Ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này, Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Tổng Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng Công Ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.



2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1, Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công Ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công Ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công Ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công Ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công Ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.



4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Luật Doanh Nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công Ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công Ty bao gồm:
 - a. Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Hội đồng quản trị; Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
 - c. Tổng giám đốc.
2. Tổng Công ty đảm bảo ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán tham gia thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành, kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng Công Ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định



- tại Luật Doanh Nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ của Tổng Công Ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Tổng Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công Ty;
 - h. Yêu cầu Tổng Công Ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh Nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công Ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công Ty;
 - c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ủy ban kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải



bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công Ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị thì phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3. Tuân thủ Điều Lệ của Tổng Công Ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty.
- 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 5. Bảo mật các thông tin được Tổng Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng Công Ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;



- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ này.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công Ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công Ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều Lệ của Tổng Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công Ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công Ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng



văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Điều lệ này hoặc số thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm xuống, không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, còn lại như quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông yêu cầu triệu tập họp như quy định tại điểm c, Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- c. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công Ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Tổng Công Ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;



- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Tổng Công Ty và cổ đông của Tổng Công Ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - i. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ của Tổng Công Ty;
 - j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công Ty;
 - l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công Ty và chỉ định người thanh lý;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên



được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty;

- n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Tổng Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
 - q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3, Điều 144 Luật Doanh Nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công Ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.



Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 của Điều Lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công Ty không bị thay đổi khi Tổng Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng hoặc thời gian sớm hơn trong trường hợp pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán có quy định khác;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;



- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định hình thức tổ chức đại hội trực tiếp hay trực tuyến, xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo mời họp đến địa chỉ liên lạc của từng cổ đông có quyền dự họp. Địa chỉ liên lạc của cổ đông là một trong các loại thông tin: địa chỉ đăng ký trụ sở đối với tổ chức; địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, địa chỉ nơi làm việc, số điện thoại, thư điện tử (email); hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Tổng Công ty để làm địa chỉ liên lạc; Trường hợp Tổng Công ty gửi Thông báo mời họp bằng cách gửi thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ được lưu trữ và cung cấp bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, hoặc địa chỉ thư điện tử do Cổ đông đăng ký với Tổng Công ty. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng Công ty thì Thông báo có thể gửi tận tay cho họ tại nơi làm việc;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (chuyển phát nhanh đến địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc gửi theo phương thức điện tử từ địa chỉ thư điện tử của Tổng Công ty đến địa chỉ thư điện tử của cổ đông đã đăng ký với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tin nhắn điện thoại, fax, ...), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ hoặc thời gian sớm hơn trong trường hợp pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán có quy định khác. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Điều Lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công Ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.



5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Điều Lệ này;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công Ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi



bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
 3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được



đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Tổng Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật liên quan và quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị Tổng Công Ty.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6, Điều 148 Luật Doanh Nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công Ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty;



- e. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty;
- 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.
- 3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ của Tổng Công Ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công Ty.
- 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều Lệ này.
- 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:



- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ thời điểm Tổng Công Ty



công bố thông tin theo quy định pháp luật trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty) nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh Nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ của Tổng Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 21 Điều Lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Tổng Công Ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
 - g. Tổng Công Ty (Công ty đại chúng) phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên Hội đồng quản trị;



- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 15% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng quản trị;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên Hội đồng quản trị;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên Hội đồng quản trị;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên Hội đồng quản trị;
 - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên Hội đồng quản trị;
 - g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên Hội đồng quản trị;
 - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên Hội đồng quản trị.
3. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đủ điều kiện đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5, Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công Ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) người đến bảy (07) người. Số lượng thành viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:



- a. Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng quy định pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công Ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công Ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều Lệ của Tổng Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công Ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công Ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 133 Luật Doanh Nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công Ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3, Điều 167 Luật Doanh Nghiệp;



- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công Ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công Ty; yêu cầu phá sản Tổng Công Ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công Ty; và các quy chế khác thuộc thẩm quyền;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công Ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật về chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Tổng Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức vụ điều hành được hưởng lương theo quy chế lương, thưởng của Tổng công ty hoặc hưởng lương theo thỏa thuận do Hội đồng quản trị phê duyệt.



4. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban/tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền công, tiền lương, thưởng bằng hình thức lương thời gian, lương trọn gói, từng lần, hoặc dưới hình thức khác theo Quy chế tiền lương của Tổng Công Ty hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ Tổng Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm,



Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp cần thiết khác (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3, Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.



Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công Ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Tổng Công Ty.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để tham mưu, tư vấn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và/hoặc thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ Tổng



Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công Ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng Công Ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Tổng Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công Ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban Kiểm toán ;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán ;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công Ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Tổng Công Ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

Điều 33. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản, quyền hạn, trách nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Thư ký Tổng Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Tổng Công ty có quyền hạn và nghĩa vụ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**CHƯƠNG VIII.
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý



Hệ thống quản lý của Tổng Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty. Tổng Công Ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp của Tổng Công Ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công Ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công Ty do Hội đồng quản trị quy định. Người Điều Hành Doanh Nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của Người Điều Hành Doanh Nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Tổng Công Ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công Ty. Một hoạt động sẽ được coi là hoạt động kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty nếu hoạt động đó không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công Ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công Ty;



- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Tổng Công Ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX.

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

- 1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và không phải là người điều hành Tổng Công ty.
- 2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 38. Số lượng, cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ của Ủy ban Kiểm toán

- 1. Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng quản trị thành lập, thực hiện chức năng giám sát trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật.
- 2. Số lượng thành viên Ủy ban Kiểm toán là từ hai (02) thành viên trở lên. Số lượng thành viên cụ thể của Ủy ban Kiểm toán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Trong đó, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
- 3. Nhiệm kỳ của Ủy ban kiểm toán tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Theo đó, nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban kiểm toán là không quá năm (05) năm và không được vượt quá thời hạn nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thành viên Ủy ban kiểm toán có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- 4. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;



- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 5. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán:

- 1. Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Tổng công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Tổng công ty;
 - b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
 - c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty;
 - e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với Công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
 - f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Tổng Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
 - g. Giám sát nhằm bảo đảm Tổng công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Tổng công ty.
- 2. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán có quyền hạn và trách nhiệm như sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
 - b. Trao đổi với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý, người điều hành khác để thu thập thông tin phục vụ cho hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
 - c. Lập và ký báo cáo của Ủy ban Kiểm toán để trình lên Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
- 3. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán:

- 1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban



Kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng và được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban Kiểm toán phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tổng Công ty;
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông;
 - f. Nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban Kiểm toán quy định tại Điều lệ này.

**CHƯƠNG X.
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC, THƯ KÝ, NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ
VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Thư ký Tổng Công ty, Người phụ trách quản trị Tổng Công ty và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban/tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công Ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi



1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người Điều Hành Doanh Nghiệp, Người Quản Lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người Điều Hành, Người Quản Lý khác và những Người Có Liên Quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công Ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người Điều Hành, Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Tổng Công Ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người Có Liên Quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người Điều Hành, Người Quản Lý khác và những Người Có Liên Quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Tổng Công Ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người Điều Hành, Người Quản Lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường



1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Tổng Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công Ty, đã hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công Ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Tổng Công Ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của



pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

- Điều lệ Tổng Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

- Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành.
- Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Tổng Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công Ty.
- Tổng Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công Ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của

pháp luật.

Chương XIV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công Ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công Ty được tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Tổng Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công Ty.
3. Tổng Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công Ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công Ty.



3. Tổng Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Tổng Công Ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công Ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công Ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Tổng Công Ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều Lệ Tổng Công Ty mà không có



quyết định gia hạn;

- b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng Công Ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công Ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng Công Ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày Thành Lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Tổng Công Ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây



được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ Tổng Công Ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Tổng Công Ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều Lệ của Tổng Công Ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng Công Ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều Lệ này được sửa đổi, bổ sung lần thứ 18 gồm 21 chương, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công Ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.



2. Điều Lệ được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công Ty.
3. Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công Ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Tổng Công Ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Tổng Công Ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4-CTCP**

NGUYỄN ANH KIỆT



TỔNG CÔNG TY
XÂY DỰNG THỦY LỢI 4-CTCP
Số: TT/TCT-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

"V/v Miễn nhiệm, thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029 và bầu thành viên độc lập HĐQT"

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP ("Tổng Công ty") đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 26/04/2024.

Để phù hợp với mô hình hoạt động và tình hình quản trị của Tổng công ty hiện nay, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029:

Căn cứ đơn từ nhiệm ngày 31/12/2024 của Bà Phạm Thị Thúy Hằng và đơn từ nhiệm ngày 18/4/2025 của Ông Nguyễn Anh Kiệt, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét và thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ năm 2024-2029 đối với các ông bà có tên sau:

1. Ông Nguyễn Anh Kiệt : Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Thúy Hằng : Thành viên HĐQT

2. Thông qua việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

Khoản 1, Điều 26 Điều Lệ Tổng Công ty quy định số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) người đến bảy (07) người và nhằm tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý điều hành, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc giảm số lượng thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm 2024-2029 từ 05 thành viên xuống còn 04 thành viên.

3. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ năm 2024-2029:

- Căn cứ quy định pháp luật và Điều Lệ Tổng Công ty về tỷ lệ tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ năm 2024-2029 với tiêu chí ứng viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều Lệ.
- Danh sách ứng cử viên để bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được tập hợp những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên độc lập Hội đồng quản trị và đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quy

chế bầu cử Thành viên độc lập HĐQT được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tổng công ty thông qua.

(Đính kèm Danh sách đề cử ứng cử viên bầu thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ANH KIỆT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

(Về việc giao quyền cho HĐQT quyết định phương án đầu tư, kinh doanh, khai thác, chuyển nhượng và quyền khác đối với tài sản là các tòa nhà thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4 - CTCP;
- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty;
- Căn cứ nhu cầu tối ưu hóa việc khai thác và sử dụng hiệu quả các tài sản của Tổng Công ty;
- Căn cứ tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

Nội dung trình:

Hiện nay, Tổng Công ty đang có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với 03 nhà, đất tại các địa chỉ sau:

1. Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN386815, số vào sổ cấp GCN:CT89029 được Văn phòng Đăng ký Đất đai TPHCM cấp ngày 03/04/2024, tọa lạc tại 205A Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
2. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA00410474, số vào sổ cấp GCN:VP11711 được Văn phòng Đăng ký Đất đai TPHCM cấp ngày 19/02/2025, tọa lạc tại 102 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
3. Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DQ149118, số vào sổ cấp GCN: VP1278 được Văn phòng Đăng ký Đất đai TPHCM cấp ngày 09/10/2024, tọa lạc tại 286-288 Nguyễn Xí, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Để khai thác tối ưu giá trị của các tài sản này, Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua việc giao quyền cho Hội đồng Quản trị được toàn quyền quyết định lựa chọn phương án đầu tư, kinh doanh, khai thác, chuyển nhượng và quyền khác đối với các tài sản nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức:

- Góp vốn bằng tài sản;
- Thế chấp tài sản để vay vốn;
- Chuyển nhượng tài sản;
- Các hình thức khai thác khác phù hợp với quy định pháp luật.

Việc ủy quyền này nhằm tạo điều kiện cho HĐQT chủ động trong việc đưa ra các quyết định kịp thời, phù hợp với tình hình thị trường và đảm bảo lợi ích tối đa cho Tổng Công ty và Cổ đông.

Đề xuất:

Đề xuất Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua việc giao quyền cho HĐQT được toàn quyền quyết định lựa chọn phương án đầu tư, kinh doanh, khai thác, chuyển nhượng và quyền khác đối với tài sản, ... đối với 03 tòa nhà, đất nêu trên (kể cả các cập nhật, cấp đổi, điều chỉnh biến động đất đai liên quan đến 03 tòa nhà, đất nêu trên), bao gồm nhưng không giới hạn các hình thức góp vốn, thế chấp, chuyển nhượng và các hình thức khai thác khác phù hợp với quy định

pháp luật, mà không bị giới hạn bởi tỷ lệ được phép của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Thời hạn giao quyền cho Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ năm 2024 – 2029.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua./.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ANH KIẾT



**TÔNG CÔNG TY
XÂY DỰNG THỦY LỢI 4-CTCP**

Số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4-CTCP**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi luật số 03/2022/QH15 và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4-CTCP;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP số 01/2025/BBH/TCT- ĐHĐCĐ ngày 28/4/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua toàn văn Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;

Điều 2: Thông qua toàn văn Báo cáo tổng kết công tác của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025;

Điều 3: Thông qua toàn văn Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Tổng Giám đốc

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán;

Điều 5: Thông qua Tờ trình số/2025/TTr-HĐQT của HĐQT về thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty; giải thể Ban kiểm soát, bãi bỏ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và miễn nhiệm các thành viên Ban kiểm soát; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT:

1. Thông qua việc Thay đổi Cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty theo mô hình tại điểm b, khoản 1, Điều 137 của Luật doanh nghiệp, như sau:
 - Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
 - Tổng giám đốc.Tổng Công ty đảm bảo ít nhất 20% số thành viên HĐQT là Thành viên độc lập, thực hiện chức năng giám sát và kiểm soát hoạt động quản lý điều hành Tổng Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông giao quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau:
 - Căn cứ quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty để điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo mô hình không có Ban kiểm soát. Quyết định sơ đồ tổ chức sau khi được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua mô hình mới và điều chỉnh các quy định, quy chế nội bộ có viện dẫn liên quan đến việc bỏ Ban kiểm soát để tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

- HĐQT chủ động trong việc hoàn thiện các thủ tục, trình tự liên quan để thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, ban hành các quy chế hoạt động và quy chế khác của Ủy ban Kiểm toán.
- 3. Thông qua giải thể Ban kiểm soát, bãi bỏ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với các Ông/Bà sau:
 - Bà Nguyễn Thúy Ngọc : Trưởng Ban Kiểm soát
 - Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh : Thành viên Ban Kiểm soát
 - Ông Giáp Thanh Minh : Thành viên Ban Kiểm soát
- 4. Thông qua việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT theo tờ trình của HĐQT và giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành theo quy định pháp luật.

Điều 6: Thông qua Tờ trình số/2025/TTr-HĐQT của HĐQT về việc miễn nhiệm và thay đổi số lượng thành viên HĐQT; bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT:

1. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ năm 2024-2029 theo các đơn từ nhiệm đối với:
 - Ông Nguyễn Anh Kiệt : Chủ tịch HĐQT; và
 - Bà Phạm Thị Thúy Hằng : Thành viên HĐQT.
2. Thông qua phương án giảm số lượng thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ năm 2024-2029 từ 05 thành viên xuống 04 thành viên.
3. Thông qua kết quả kiểm phiếu bầu và danh sách trúng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2024-2029) bao gồm: Ông/Bà [...]

Điều 7: Thông qua tờ trình số/2025/TTr-HĐQT của HĐQT về tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi thù lao năm 2025 như sau:

1. Chi trả tiền lương, thưởng và thù lao HĐQT, BKS năm 2024
 - a. Tiền lương, thưởng năm 2024:
Tổng Công ty áp dụng theo chế độ lương cho Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh và BKS chuyên trách năm 2024 theo Quy chế tiền lương, thưởng và quỹ lương hàng năm của Tổng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và chế độ lương của Nhà nước.
 - b. Bổ sung thù lao năm 2024 cho các thành viên HĐQT, BKS:

ĐHĐCĐ thông qua việc chi bổ sung thù lao năm 2024 cho HĐQT và BKS đang đương nhiệm với tổng mức thù lao là 10% lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán và giao cho HĐQT quyết định tỷ lệ, thời gian và phương thức phân bổ thù lao, cụ thể cho mỗi thành viên HĐQT, BKS.

2. Kế hoạch tiền lương, thưởng và thù lao HĐQT năm 2025
 - a. Tiền lương, thưởng:

Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT chuyên trách trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh được hưởng lương theo quy chế lương, thưởng của Tổng công ty hoặc theo tiền lương thỏa thuận được HĐQT quyết định.

Thành viên HĐQT được hưởng mức thù lao dựa trên hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2025 với mức tối đa là 05% tính trên lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 đã được kiểm toán. Đồng thời, giao cho HĐQT quyết định tỷ lệ, thời gian và phương thức phân bổ thù lao, thưởng cụ thể cho mỗi thành viên HĐQT.

Điều 8: Thông qua Tờ trình số/2025/TTr-HĐQT của HĐQT về phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025, cụ thể như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2024:

STT	Diễn giải	Tỷ lệ	Số tiền (VNĐ)
A	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024		1.179.412.520
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (% Lợi nhuận sau thuế)	0%	-
2	Quỹ đầu tư phát triển (% Lợi nhuận sau thuế - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	0%	-
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (% Lợi nhuận sau thuế - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	0%	-
4	Chia cổ tức	0%	-

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

STT	Diễn giải	Tỷ lệ (%)
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (% Lợi nhuận sau thuế)	0%
2	Quỹ đầu tư phát triển (% Lợi nhuận sau thuế - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	0%
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (% Lợi nhuận sau thuế - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	0%
4	Chia cổ tức năm 2025	Tuỳ theo tình hình kinh doanh và thặng dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua việc giao cho HĐQT quyết định tỷ lệ, thời gian và phương thức chia cổ tức năm 2025 với mức tối đa tỷ lệ cổ tức là 10% /01 cổ phiếu.
5	Lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2025	Số còn lại

Điều 9: Thông qua Tờ trình số..... /TT/TCT-ĐHĐCĐ của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2025:

- Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT chọn một trong các Công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây để soát xét báo cáo tài chính Bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng Công ty theo quy định pháp luật trong năm tài chính 2025:
 - + Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
 - + Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn UHY (UHY)
 - + Công ty TNHH Kiểm toán & Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Phương án xử lý trong trường hợp các đơn vị kiểm toán nêu trên không thể thực hiện

công tác kiểm toán hoặc Tổng Công ty không đạt được thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng kiểm toán:

Uỷ quyền cho HĐQT phê duyệt chọn một đơn vị kiểm toán thuộc Danh sách công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025 được Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước phê duyệt và giao cho Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10: Thông qua Tờ trình số...../2025/TTr-HĐQT của HĐQT về phương án thực hiện đầu tư dự án Khu nhà ở tại Phường Phước Long A, Quận 9 (nay là TP. Thủ Đức), TP Hồ Chí Minh:

Đối với dự án Khu Nhà ở tại Phường Phước Long A, Quận 9 (nay là TP. Thủ Đức), TP. Hồ chí Minh, Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua việc tiếp tục giao quyền cho HĐQT chủ động lựa chọn phương án và tìm giải pháp tối ưu để có thể tạm khai thác và tiếp tục triển khai dự án ngay khi đủ điều kiện thực hiện theo quy định hiện hành. Thời hạn giao quyền cho HĐQT trong toàn bộ nhiệm kỳ năm 2024 – 2029.

Điều 11: Thông qua Tờ trình số...../2025/TTr-HĐQT của HĐQT về việc báo cáo kết quả bán cổ phiếu quỹ và ngừng bán số lượng cổ phiếu quỹ còn lại:

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện tờ trình số 05/2024/TTr-HĐQT về phương án xử lý cổ phiếu quỹ.
2. Thông qua ngừng bán cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ/TCT-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024.

Điều 12: Thông qua Tờ trình số..... /TT/TCT-ĐHĐCĐ của HĐQT về việc giao quyền cho HĐQT quyết định phương án đầu tư, kinh doanh, khai thác, chuyển nhượng và quyền khác đối với tài sản là các tòa nhà thuộc quyền sở hữu của Tổng Công Ty.

Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc giao quyền cho HĐQT được toàn quyền quyết định lựa chọn phương án đầu tư, kinh doanh, khai thác, chuyển nhượng và quyền khác đối với tài sản, ... đối với 03 tòa nhà, đất Tổng Công ty đang có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất như dưới đây (kể cả các cập nhật, cấp đổi, điều chỉnh biến động đất đai liên quan đến 03 tòa nhà, đất), bao gồm nhưng không giới hạn các hình thức góp vốn, thế chấp, chuyển nhượng và các hình thức khai thác khác phù hợp với quy định pháp luật, mà không bị giới hạn bởi tỷ lệ được phép của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty:

- (1) Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN386815, số vào sổ cấp GCN:CT89029 được Văn phòng Đăng ký Đất đai TPHCM cấp ngày 03/04/2024, tọa lạc tại 205A Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- (2) Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA00410474, số vào sổ cấp GCN:VP11711 được Văn phòng Đăng ký Đất đai TPHCM cấp ngày 19/02/2025, tọa lạc tại 102 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- (3) Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DQ149118, số vào sổ cấp GCN: VP1278 được Văn phòng Đăng ký Đất đai TPHCM cấp ngày 09/10/2024, tọa lạc tại 286-288 Nguyễn Xí, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Thời hạn giao quyền cho Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ năm 2024 – 2029.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị,

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành các Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động phù hợp với Điều lệ của Tổng Công ty Xây Dựng Thủy Lợi 4-CTCP và quy định pháp luật.

Điều 14: Thông qua Nghị quyết

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP thông qua với [...] cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ [...] % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch CK Hà Nội;
- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS TCT;
- Ban TGĐ;
- Lưu BTK, Văn thư.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

NGUYỄN ANH KIỆT